

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Số 30 đường Cù Chính Lan, Phường Trần Tế Xương, Thành phố Nam Định,
Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Điện thoại: (0228) 3649.510

Fax: (0228) 3636.679

Email: Ctycnnd30eel@vnn.vn

Website: www.capnuocnamdinh.vn

Nam Định, tháng 04 năm 2022

DANH MỤC TỬ VIẾT TẮT

QĐ:	Quyết định
UBND:	Ủy ban nhân dân
DTT:	Doanh thu thuần
TSCĐ:	Tài sản cố định
BCTC:	Báo cáo tài chính
HDQT:	Hội đồng quản trị
DHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
HĐLĐ:	Hợp đồng lao động
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CMND:	Chứng minh nhân dân
CTCP:	Công ty cổ phần

I. NỘI DUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNH
- Tên tiếng Anh: NAM DINH WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: CÔNG TY CẤP NƯỚC NAM ĐỊNH
- Trụ sở chính: Số 30 đường Cù Chính Lan, Phường Trần Tế Xương, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.
- Điện thoại: (0228)3649.510
- Fax: (0228) 3636.679
- Website: www.capnuocnamdinh.vn
- Vốn điều lệ đăng ký: 343.117.480.000đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 343.117.480.000đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đăng Quý – Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Sỹ Long – Tổng Giám đốc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0600008000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 28/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29/12/2017.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh nước sạch và thi công lắp đặt dây truyền công nghệ và đường ống cấp nước.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định là Nhà máy nước Nam Định, được xây dựng vào năm 1924 với công suất ban đầu 600m³/ngày đêm để phục vụ cho nhu cầu của bộ máy cai trị của Pháp tại địa phương. Vào thời gian này, nhân dân thành phố chỉ được sử dụng rất hạn chế qua một số vòi công cộng đặt ở hè phố.

Năm 1946, Nhà máy phải ngừng hoạt động do cuộc kháng chiến chống Pháp với phong trào tiêu thổ kháng chiến. Sau 10 năm ngừng hoạt động, với sự trợ giúp của Liên Xô cũ, Nhà máy đã được khôi phục lại nâng công suất lên 6.000m³/ngày đi vào hoạt động từ ngày 02/9/1956 vẫn với tên gọi là Nhà máy nước Nam Định.

Năm 1992, Nhà máy được đổi tên thành Công ty Cấp Nước Nam Hà. Đến năm 1997 đổi tên thành Công ty Cấp Nước Nam Định.

Để phù hợp với cơ chế thị trường, theo Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 13/12/2007 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi và chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty cấp nước Nam Định thành Công ty TNHH Một thành viên kinh doanh nước sạch Nam Định, Công ty chính thức được chuyển đổi sang mô hình

Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Nam Định hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600008000 ngày 28/12/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Cùng với việc sản xuất kinh doanh nước sạch, Công ty đã mở rộng thêm một số ngành nghề kinh doanh như: Sản xuất nước tinh khiết, thi công xây lắp, kinh doanh vật tư phụ tùng thiết bị ngành nước, sản xuất sản phẩm nhựa composit... để giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, đồng thời giúp Công ty có thêm thu nhập để tái sản xuất và mở rộng quy mô.

Thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thực hiện Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 21/03/2013 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt danh sách doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện cổ phần hóa trong năm 2013, Công ty đã từng bước triển khai thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp theo quy định. Ngày 19/07/2017, UBND tỉnh Nam Định ra Quyết định số 1616/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Nam Định và Công văn số 496/UBND-VP5 phê duyệt Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần tại Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Nam Định. Ngày 18/10/2017, Công ty phối hợp với đơn vị tư vấn là Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia tổ chức phiên bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài. Theo đó, toàn bộ 986.075 cổ phần (tương đương 2,87% vốn điều lệ tính theo mệnh giá) đã được phân phối hết cho 16 nhà đầu tư tham gia đấu giá. Ngày 29/12/2017, Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Nam Định chính thức chuyển đổi sang Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600008000 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 28/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 29/12/2017.

Với sự nỗ lực hết mình của CBCNV Công ty và sự ủng hộ của các cấp lãnh đạo từ Trung ương đến địa phương, từ một Công ty có qui mô nhỏ nay đã phát triển thành công ty có qui mô lớn, Tổng công suất hiện nay là 94.000 m³/ngày đã gấp 156 lần so với ngày đầu thành lập, CBCNV thừa sơ khai chỉ là 5 người giờ đây đã lên tới 531 người, trong đó nhiều người có trình độ tay nghề cao, kỹ sư chuyên ngành có kinh nghiệm chứng tỏ doanh nghiệp đã từng bước phát triển đạt tới qui mô khá lớn cả về số và chất lượng. Công ty hiện là đơn vị chính có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác, xử lý, cung cấp nước trên địa bàn tỉnh Nam Định.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty

3.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0600008000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 28/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29/12/2017, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, du lịch, dịch vụ, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn tỉnh Nam Định;	3600
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3	Tư vấn, thiết kế, lập dự toán, giám sát xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và cấp thoát nước;	4290
4	Tư vấn, thiết kế, lập dự toán, giám sát các công trình giao thông, thủy lợi, điện lực và các công trình cơ sở hạ tầng;	7110
5	Đầu tư xây dựng các công trình cấp, thoát nước. Tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chia khóa trao tay;	4299
6	Xây dựng nhà để ở	4101
7	Xây dựng nhà không để ở	4102
8	Xây dựng công trình đường sắt	4211
9	Xây dựng công trình đường bộ	4212
10	Xây dựng công trình điện	4221
11	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
12	Thi công lắp đặt thiết bị, dây truyền công nghệ cho các công trình cấp thoát nước.	4322
13	Sản xuất hóa chất, các sản phẩm nhựa, nhựa composit, các phụ kiện chuyên dụng;	2029
14	Sản xuất, kinh doanh nước uống tinh khiết;	4633
15	Kiểm định, bảo dưỡng, sửa chữa đồng hồ đo nước lạnh.	

3.2. Địa bàn kinh doanh của Công ty:

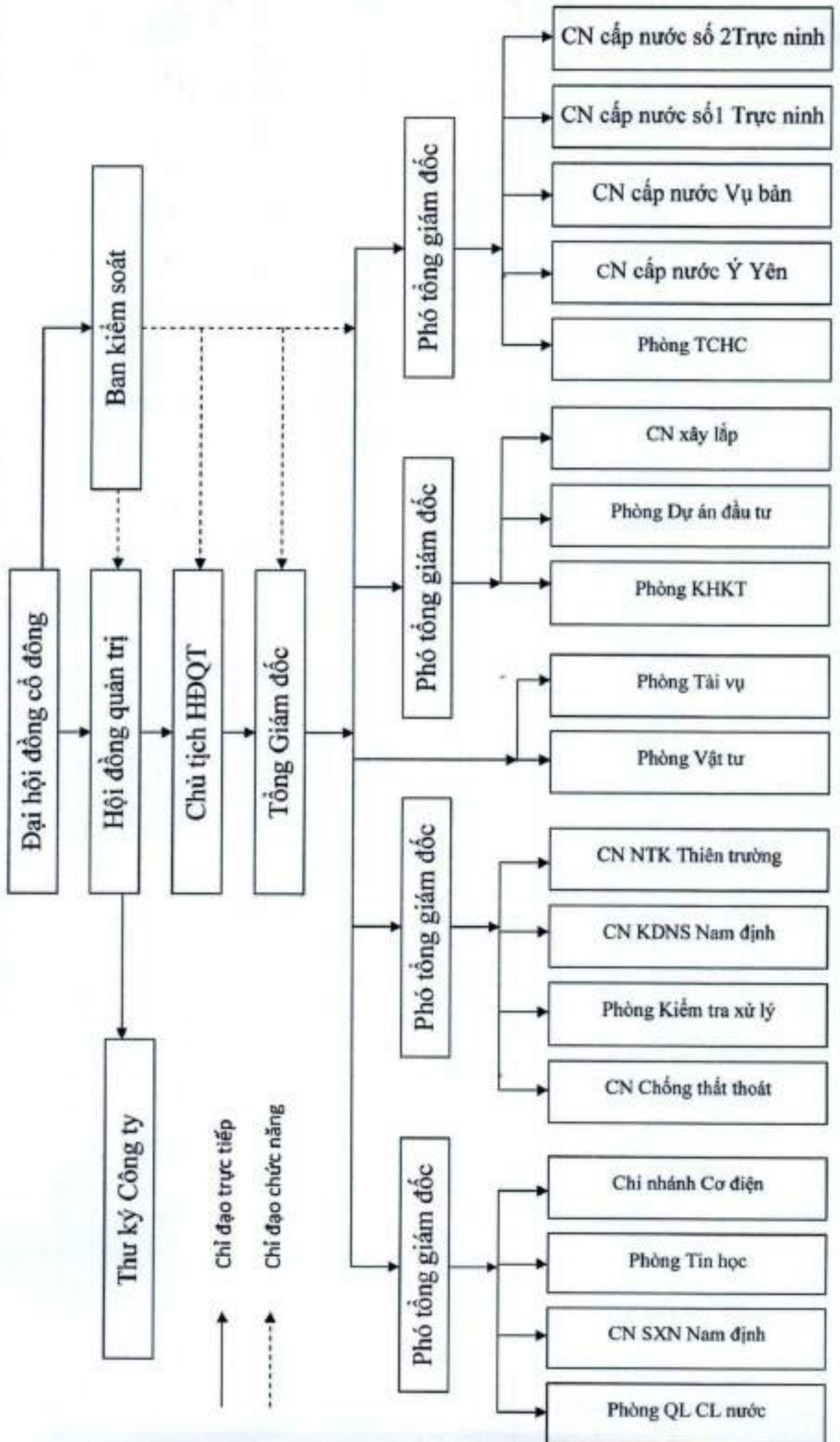
Địa bàn thành phố Nam Định và khu vực lân cận.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị Công ty:

Hiện tại, Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển, chiến lược kinh doanh của Công ty, đồng thời tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định



❖ **Cơ cấu bộ máy quản lý**

✓ **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần.

Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty; Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác.

✓ **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 08 thành viên (trong đó bao gồm 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị, 02 Phó Chủ tịch và 05 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

✓ **Ban kiểm soát:**

Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát có 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác.

✓ **Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và có nhiệm vụ điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

✓ **Phó Tổng Giám đốc**

Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc quản lý, điều hành Công ty theo phân công của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về các nhiệm vụ được phân công.

✓ **Các Phòng, Ban, Chi nhánh và Các đơn vị trực thuộc của Công ty:**

Các phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong các mảng công việc chuyên môn do bộ phận mình phụ trách, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty

✓ **Phòng Tổ chức – Hành chính**

Giúp việc Tổng Giám đốc quản lý, điều hành công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo, lao động tiền lương, hành chính - quản trị, an toàn lao động, công tác bảo vệ và quân sự của Công ty; Đảm bảo điều kiện cần thiết cho các hoạt động của bộ máy điều hành Công ty.

Quản lý sổ cổ đông, chịu trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Công ty và của pháp luật.

✓ **Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật**

Giúp việc Ban Tổng Giám đốc quản lý, điều hành công tác kế hoạch sản xuất, kinh doanh dịch vụ, quản lý kỹ thuật sản xuất, máy móc thiết bị và mạng lưới cấp nước của Công ty khu vực do Chi nhánh Sản xuất nước sạch Nam Định cung cấp.

✓ **Phòng Tài vụ:**

Giúp việc Ban Tổng Giám đốc quản lý, điều hành công tác tài chính, kế toán, thống kê và hạch toán kinh tế của Công ty theo quy định của Nhà nước.

Phòng Quản lý dự án đầu tư

Giúp việc Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai các dự án mà công ty làm chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công.

Quản lý, điều hành công tác kế hoạch sản xuất, kinh doanh dịch vụ, quản lý kỹ thuật sản xuất, máy móc thiết bị và mạng lưới cấp nước của Công ty khu vực các đơn vị Huyện.

✓ **Phòng Kiểm tra – Xử lý**

Giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành công tác kiểm tra dịch vụ sử dụng nước của khách hàng và việc thực hiện nội quy, quy chế của các đơn vị trong Công ty theo Kế hoạch đã được Công ty duyệt.

Chủ động xử lý các vi phạm theo quy định của Công ty.

✓ **Phòng Tin học**

Giúp việc Ban Tổng Giám đốc quản lý điều hành các thiết bị, phần mềm liên quan tới công nghệ thông tin.

✓ **Phòng Vật tư**

Giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành đội xe ; Quản lý và thực hiện kế hoạch cung ứng vật tư trên cơ sở kế hoạch của các đơn vị đã được Ban Tổng giám đốc phê duyệt theo quy định.

✓ ***Phòng Quản lý chất lượng nước***

Giúp việc Tổng Giám đốc quản lý, giám sát chất lượng nước của toàn Công ty, bao gồm nước nguồn, nước sản xuất của các đơn vị đến nơi tiêu thụ của khách hàng, nước uống tinh khiết Thiên Trường. Đảm bảo nước cung cấp cho khách hàng đạt tiêu chuẩn hiện hành của Bộ Y tế.

✓ ***Chi nhánh Kinh doanh nước sạch Nam Định***

Giúp việc Ban Tổng Giám đốc quản lý, điều hành công tác kinh doanh, dịch vụ khách hàng, tổng hợp số liệu chuẩn thu, theo dõi, kiểm soát các thông tin liên quan đến khách hàng khu vực Chi nhánh Sản xuất nước sạch Nam Định cung cấp, ghi thu tiền nước hàng tháng, tham gia vào công tác chống thất thoát thất thu.

Tiếp nhận thông tin và sửa chữa cụm đồng hồ khách hàng (Từ Đại khởi thủy tới cụm đồng hồ).

✓ ***Chi nhánh Chống thất thoát***

Giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý mạng lưới cấp nước khu vực TP Nam Định. Tổ chức triển khai kế hoạch truy tìm rò rỉ; sửa chữa mối chảy trên hệ thống cấp nước.

✓ ***Chi nhánh sản xuất nước sạch Nam Định***

Chi nhánh Sản xuất nước là đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty; Chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ đối với Công ty; Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước sạch. Đảm bảo sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn đủ số lượng và chất lượng theo TCVN hiện hành.

✓ ***Chi nhánh Cơ điện***

Giúp việc Ban Tổng Giám đốc quản lý, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

✓ ***Chi nhánh Xây lắp***

Chi nhánh hạch toán kinh tế phụ thuộc Công ty, chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ đối với Công ty. Chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực xây lắp các công trình cấp nước, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa Composite theo giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty và đăng ký kinh doanh của Chi nhánh.

✓ ***Chi nhánh nước tinh khiết Thiên Trường***

Là đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc Công ty; Chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ đối với Công ty; Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước uống Tinh khiết.

✓ **Chi nhánh cấp nước khu vực các huyện**

Các Chi nhánh là đơn vị sản xuất kinh doanh nước sạch trực thuộc Công ty; Chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ đối với Công ty; Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch. Đảm bảo sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn đủ số lượng và chất lượng theo TCVN hiện hành; Ghi thu tiền nước hàng tháng, chống thất thoát thu hiệu quả nhất.

Thi công lắp đặt đường ống cấp nước, mở rộng mạng lưới và phát triển khách hàng khi được Công ty giao.

4.2 Các công ty con và công ty liên kết

- ❖ Các công ty con: Không có
- ❖ Các công ty liên kết: Không có

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty.

- **Liên kết:** Liên kết các cổ đông, đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời thúc đẩy mạnh liên kết các bộ phận trong doanh nghiệp tạo ra chuỗi giá trị, nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.
- **Ngành nghề và sản phẩm:** Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phát triển bền vững Công ty. Đảm bảo chất lượng nước sạch đạt tiêu chuẩn vệ sinh nước sinh hoạt với dịch vụ tốt nhất tới người tiêu thụ.
- **Về kỹ thuật, công nghệ:** Từng bước đổi mới công nghệ thi công, trang thiết bị tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ, tăng trưởng chất lượng, tạo ra giá trị gia tăng cao. Hợp tác với đối tác nước ngoài trong việc chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quá trình vận hành nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao.
- **Đổi mới:** Luôn đổi mới công nghệ và cải tiến công tác quản lý, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh, khuyến khích sáng kiến cải tiến hợp lý sản xuất tiết kiệm chi phí.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Xây dựng và mở rộng phạm vi cấp nước của thành phố, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp và các đô thị các huyện, nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch.
- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành và mở rộng mạng lưới cấp nước
- Đào tạo, phát triển và sử dụng nguồn nhân lực có hiệu quả để đáp ứng yêu cầu phát triển

và hội nhập; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

- Xây dựng môi trường văn hoá công ty lành mạnh để mọi người trong công ty phấn khởi thi đua lao động, sáng tạo, phát triển thể chất và tăng cường mối quan hệ cộng đồng, khuyến khích các thành phần kinh tế và toàn xã hội vào việc bảo vệ nguồn nước, phát triển hệ thống cấp nước.
- Xây dựng, duy trì hiệu lực và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

- Thực hiện tốt công tác giảm tỷ lệ thất thoát nước;
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, đáp ứng nhu cầu nước sạch của khách hàng và chấp hành nghiêm các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hoàn thành tốt nhiệm vụ nộp thuế đối với Nhà nước.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro kinh tế

Hệ thống mạng đường ống cấp nước và đồng hồ đầu nối đầu tư nhiều thời kỳ khác nhau, hiện nay đã xuống cấp, dẫn đến tỉ lệ thất thoát cao;

Giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, thay thế đồng hồ hết niên hạn sử dụng phí rất lớn, đây là một trong những khó khăn lớn của công ty.

6.2. Rủi ro đặc thù

Đối với Công ty cấp nước, rủi ro đặc thù phổ biến là rủi ro thất thoát nước trong quản lý kinh doanh nước: Có thể do rò rỉ, chảy tràn trên mặt đất hoặc có thể do nước chảy ngầm trong lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước.

6.3. Rủi ro khác

Công ty gặp rủi ro và chịu ảnh hưởng của thời tiết như: Mưa bão, lũ lụt nhiều làm cho chất lượng nước thô kém;

Ý thức về quản lý và bảo vệ tài nguyên nước, hệ thống cấp nước của người dân còn nhiều hạn chế; các làng nghề phát triển, đô thị tăng nhanh, nước thải của Thành phố và các cụm dân cư xả thải ra nguồn tiếp nhận chưa được xử lý dẫn đến tình trạng nước thô có nguy cơ ô nhiễm cao.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Bảng số 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2020 - 2021

Đơn vị tính: Tr.đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	248.680	253.593

Doanh thu thuần	248.680	253.593
Lợi nhuận gộp	83.528	94.381
Lợi nhuận thuần	31.151	41.681
Lợi nhuận khác	229	798
Lợi nhuận kế toán trước thuế	31.380	42.479
Lợi nhuận sau thuế	27.886	37.124

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Bảng số 3: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2020 - 2021

Đơn vị tính: Tr.đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So sánh thực hiện 2021 với	
				Kế hoạch 2021 (%)	Thực hiện 2020 (%)
Doanh thu thuần	248,68	255,52	253,59	99,24	101,97
Lợi nhuận trước thuế	31,79	32	42,47	132,71	133,59
Lợi nhuận sau thuế	27,88	28	37,12	132,57	133,14
Cổ tức (%)	6,5	6,0	8,0	133,3	123,1

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2021, Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2021)

(*) Mức cổ tức thực hiện 2021 chính thức được thông qua tại kỳ họp ĐHCĐ thường niên 2022

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành

Bảng số 4: Danh sách thành viên Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Sỹ Long	Tổng Giám đốc
2	Bùi Xuân Thiêm	Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Ngọc Chiến	Phó Tổng Giám đốc
4	Đình Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc

5	Đỗ Hữu Minh	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Thành Tri	Kế toán trưởng

Lý lịch và tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Điều hành:

2.1.1 Ông Nguyễn Sỹ Long – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Nguyễn Sỹ Long
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	12/09/1970
Nơi sinh:	Nam Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	137 Văn Cao – phường Năng Tĩnh – TP Nam Định
Số CMTND:	161842172 ngày 12/07/2012 tại CA.tỉnh Nam Định
Điện thoại liên hệ:	(0228) 3649.510
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Chuyên ngành Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> + Từ 1998 - 2000: Nhân viên Liên đoàn Lao động Tỉnh Nam Định. + Từ 2000 – 2001: Trưởng phòng Vật tư Nhà nghỉ Du lịch Công Đoàn – Liên đoàn Lao động Tỉnh Nam Định. + Từ tháng 6/2001 – 3/2005: Phó phòng Thanh Tra – Công Ty Cấp Nước Nam Định. + Từ tháng 4/2005 – 1/2006: Trưởng phòng Thanh Tra – Công Ty Cấp Nước Nam Định. + Từ tháng 02/2006 – 6/2015: Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch TP Nam Định – Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Nam Định. + Từ tháng 7/2015 – 3/2017: Phó Tổng giám đốc - Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nước sạch Nam Định + Từ tháng 4/2017 – 12/2017: Tổng giám đốc - Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nước sạch Nam Định + Từ tháng 1/2018 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 201.209 cổ phần (Tỷ lệ nắm

	giữ: 0,59%) + Số cổ phần sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Nam Định: 6.862.350 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 20,00%)
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

2.1.2 Ông Bùi Xuân Thiêm – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Bùi Xuân Thiêm
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	27/03/1963
Nơi sinh:	Nam Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	Số 51 Cù Chính Lan - Trần Tế Xương - ND
Số CMTND:	036063003567, ngày 30/08/2017 tại Cục cảnh sát
Điện thoại liên hệ:	(0228) 3649.510
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	+ Kỹ sư Chế tạo máy – Đại học Bách khoa Hà Nội
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Quá trình công tác:	+ Từ tháng 11/1985 - 02/1991: Thường vụ Công đoàn cơ sở - Thường vụ BCH Đoàn Thanh niên - Kỹ sư Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Nam Hà. + Từ tháng 3/1991 - 3/1994: Phó quản đốc phân xưởng. Ủy viên ban chấp hành Công đoàn, ủy viên hội đồng Xí nghiệp - Nhà máy thực phẩm XK Nam Hà. + Từ tháng 4/1994 - 02/1995: Quyền quản đốc phân xưởng. Ủy viên ban chấp hành Công đoàn, Ủy viên hội đồng Xí nghiệp - Nhà máy thực phẩm XK Nam Hà. + Từ tháng 3/1995 - 6/1997: Đảng ủy viên - Ủy viên BCH Công đoàn - Ủy viên hội đồng Xí nghiệp - Quản đốc phân xưởng - Nhà máy thực phẩm XK Nam Hà. + Từ tháng 9/1997- 12/1999: Kỹ sư cơ khí - Công ty Cấp

	<p>nước Nam Định.</p> <p>+ Từ tháng 01/2000 - 3/2002: Đảng uỷ viên - Đội phó đội sản xuất nước - Công ty Cấp nước Nam Định</p> <p>+ Từ tháng 4/2002 - 3/2003: Đảng uỷ viên - Phó giám đốc Xí nghiệp Sản xuất nước – Công ty Cấp nước Nam Định.</p> <p>+ Từ tháng 4/2003 - 4/2005: Đảng uỷ viên - Phó phòng Kế hoạch kỹ thuật - Trợ lý giám đốc – Công ty Cấp nước Nam Định.</p> <p>+ Từ tháng 5/2005 - 02/2006: Thường vụ Đảng uỷ - Chủ tịch Công đoàn – Phó phòng Kế hoạch kỹ thuật - Trợ lý giám đốc - Công ty Cấp nước Nam Định.</p> <p>+ Từ tháng 3/2006 - 12/2008: Thường vụ Đảng uỷ - Chủ tịch Công đoàn - Trưởng phòng Tổ chức hành chính - Trợ lý giám đốc – Công ty Cấp nước Nam Định</p> <p>+ Từ tháng 01/2009 - 4/2010: Phó Bí thư Đảng uỷ – Chủ tịch Công đoàn - Trưởng phòng Tổ chức hành chính - Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nước sạch Nam Định</p> <p>+ Từ tháng 5/2010 - 6/2015: Bí thư Đảng uỷ - Chủ tịch Công đoàn - Trưởng phòng Tổ chức hành chính - Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nước sạch Nam Định</p> <p>+ Từ tháng 7/2015 – 12/2017: Phó Bí thư Đảng uỷ - Chủ tịch Công đoàn công ty - Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nước sạch Nam Định</p> <p>+ Từ tháng 01/2018 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định</p>
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.600 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02 %) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

2.1.3 Ông Trần Ngọc Chiến – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Trần Ngọc Chiến
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	17/04/1966
Nơi sinh:	Nam Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	14/187 Đường 19/5 Phường Trần Tế Xương – Nam Định
Số CMTND:	036066002873 cấp ngày 02/06/2017 tại Cục Cảnh sát
Điện thoại liên hệ:	(0228) 3649.510
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	+ Kỹ sư xây dựng chuyên ngành Cấp thoát nước - Khoa Đô thị và Hạ tầng kỹ thuật – Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Quá trình công tác:	+ Từ tháng 5/1981 – 9/1986: Chiến sĩ – Tiểu đoàn I, Lữ đoàn 530 – Bộ Tư lệnh Công binh + Từ tháng 9/1987 – 11/1994: Công nhân vận hành Nhà máy nước Nam Định + Từ tháng 12/1994 – 6/1996: Công nhân lao động hợp tác tại Lybia + Từ tháng 11/1996 – 3/2005: Công nhân lắp đặt đường ống Công ty cấp nước Nam Định + Từ tháng 4/2005 – 01/2006: Phó Giám đốc Nhà máy nước Vụ Bản - Công ty cấp nước Nam Định + Từ tháng 02/2006 – 6/2011: Giám đốc Xí nghiệp nước sạch Trục Ninh - Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Nam Định + Từ tháng 7/2011 – 12/2017: Trưởng phòng Quản lý dự án đầu tư – Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Nam Định + Từ tháng 01/2018 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỉ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 7.200 cổ phần (Tỉ lệ nắm giữ: 0,02%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

2.1.4 Ông Đinh Văn Hòa – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Đinh Văn Hòa
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	16/02/1970
Nơi sinh:	Nam Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	17 Văn Cao, phường Năng Tĩnh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Số CMTND:	161825625 cấp ngày 11/01/2011 tại Công an Nam Định
Điện thoại liên hệ:	0917.516.868
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	+ Cử nhân kinh tế - Trường Đại học Trường Thương mại và kinh tế Liên bang Nga + Cao học Quản lý Kinh tế Trường Đại học Chu Văn An chuyên ngành Quản lý Công
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Quá trình công tác:	+ Từ trước năm 2014 : Học tập và lao động, cộng tác viên và công tác tại thương vụ thuộc Đại sứ quán Việt Nam tại Liên bang Nga. + Từ năm 2015 đến nay: Trưởng Phòng Kinh doanh; Trưởng phòng Tổ chức Hành chính; Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch Nam Định + Từ ngày 29/12/2017 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định + Từ tháng 2/2019 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Trưởng Phòng Kinh doanh; Trưởng phòng Tổ chức Hành chính; Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch Nam Định

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần + Số cổ phần sở hữu đại diện CTCP Du lịch Nam Định: 6.347.673 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 18,50%)
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

2.1.5 Ông Đỗ Hữu Minh – Người phụ trách QTCT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Đỗ Hữu Minh
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	21/01/1983
Nơi sinh:	Ninh Bình
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	Yên Khánh – Ý Yên – Nam Định
Số CMTND:	164141326
Điện thoại liên hệ:	(0228) 3649.510
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Phó Tổng Giám đốc
Quá trình công tác:	+ Năm 2005: Công tác tại Công ty Cổ phần Vật liệu và xây lắp Nam Định + Từ tháng 4/2005 đến 5/2007: Nhân viên Xí nghiệp Vụ bản - Công ty cấp nước Nam Định. + Từ tháng 6/2007 đến 11/2008: Phó giám đốc Xí nghiệp Ý Yên - Công ty cấp nước Nam Định + Từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2015: Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh nước sạch Ý Yên - Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Vụ Bản + Từ tháng 7/2015 đến tháng 12/2017: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Vụ Bản + Từ tháng 01/2018 đến nay: Phó Tổng giám đốc kiêm trưởng phòng TCHC Công ty Cổ phần cấp

	nước Nam Định.
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.200 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

2.1.6 Ông Nguyễn Thành Trì – Kế toán trưởng

Họ và tên:	Nguyễn Thành Trì
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	06/12/1961
Nơi sinh:	Nam Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	29 Đình Thị Vân, phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Số CMTND:	161956758 cấp ngày 31/07/2008 tại CA. tỉnh Nam Định
Điện thoại liên hệ:	(0228) 3649.510 -
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Đại học Tài chính kế toán
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Quá trình công tác:	+ Từ tháng 5/1983 - 7/1989: Chuyên viên phòng thu quốc doanh TW – Sở Tài chính Nam Định + Từ tháng 7/1989 - 8/1989: Chuyên viên phòng Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Nam Định + Từ tháng 9/1989 - 11/1989: Chuyên viên phòng Tài chính Hải Hậu - Hải Hậu + Từ tháng 12/1989 - 8/1994: Kế toán trưởng XN nuôi tôm xuất khẩu Hải Hậu + Từ tháng 9/1994 - 9/1995: Chuyên viên phòng Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Nam Định + Từ tháng 10/1995 - 9/1999: Chuyên viên phòng nghiệp

	vụ I – Cục Quản lý vốn doanh nghiệp Nam Định + Từ tháng 10/1999 - 4/2006: Chuyên viên phòng Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Nam Định + Từ tháng 5/2006 – 12/2017: Kế Toán Trưởng, Trưởng phòng Tài vụ Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Nam Định + Từ tháng 1/2018 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 73.976 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,22%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

2.2. Những thay đổi ban điều hành: Không

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Công ty tính đến ngày 31/12/2021 là 500 người.

2.4. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- **Chế độ làm việc:**

Theo quy định của Chính phủ thời gian làm việc 40 giờ/tuần, người lao động phải làm việc theo đúng thời gian quy định. Cụ thể dưới đây:

Khối văn phòng: Từ thứ 2 đến thứ 6 (Buổi sáng từ 7h00' - 11h 30'; buổi chiều từ 13h30' - 17h00').

Khối trực tiếp sản xuất: Làm việc theo cơ chế khoán sản phẩm và theo giờ quy định riêng.

Điều kiện làm việc tốt, an toàn môi trường được đảm bảo. Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ về bảo hộ lao động, hưởng trợ cấp độc hại, chế độ bồi dưỡng ăn ca, làm thêm giờ... Các nguyên tắc về an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

- **Chính sách đào tạo, tuyển dụng:**

Hàng năm, Công ty hỗ trợ lương các đối tượng công ty cử đi học, đào tạo học việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học tại chức, khóa học và lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài

chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao khả năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc và năng suất công việc cho người lao động. Đồng thời, Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc, có chế độ tham quan, nghỉ mát hàng năm, quan tâm đến người lao động trong các ngày lễ tết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn: Không có

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính:

Bảng số 6: Tình hình tài chính của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Tổng giá trị tài sản	481.105	499.863
Doanh thu thuần	248.680	253.592
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	31.151	41.681
Lợi nhuận khác	229	797
Lợi nhuận trước thuế	31.380	42.479
Lợi nhuận sau thuế	27.886	37.124

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng số 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (= TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,04	1,72
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	Lần	1,82	1,39

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	22,10%	22,41
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	28,36%	28,89
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho BQ	- Lần	13,32	10,62
Doanh thu thuần/Tổng tài sản <u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản BQ	Lần	0,51	0,52
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,21%	14,46
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,44%	9,57
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,80%	7,43
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	12,53%	16,44

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của CTCP Cấp nước Nam Định)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 34.311.748 cổ phần. Trong đó

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.410.683 cổ phiếu (chiếm 53,66%)
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện (hạn chế chuyển nhượng):

15.901.065 cổ phiếu (chiếm 46,34%)

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 8: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 18/3/2022

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	524	34.311.748	100,00
1	Tổ chức	04	31.086.380	90,6
2	Cá nhân	520	3.225.368	9,4
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0,00

1	Tổ chức	0	0	0,00
2	Cá nhân	0	0	0,00
	Tổng cộng	524	34.311.748	100,00

Nguồn: Danh sách cổ đông của CTCP Cấp nước Nam Định tại ngày 18/3/2022

Bảng số 9: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 18/3/2022

Stt	Tên tổ chức, cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) trên VDL thực góp
1	UBND tỉnh Nam Định		Số 57 Đường Vị Hoàng - Thành phố Nam Định	16.984.315	49,5
2	Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền Phong	0200167782, cấp lần đầu ngày 30/12/2004	Số 2 An Đà - Phường Lạch Tray - Quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng	4.632.086	13,5
3	Công ty cổ phần thiết bị xử lý nước Setfil	0102145558, cấp lần đầu ngày 19/01/2007	Phòng 107, nhà I9, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.122.306	9,1
4	Công ty cổ phần Du lịch Nam Định	0600001044, cấp lần đầu ngày 17/12/2004	Số 151 đường Nguyễn Du - Phường Vị Hoàng - Thành phố Nam Định - Nam Định	6.347.673	18,5
	Tổng cộng			31.086.380	90,6

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để cung cấp các dịch vụ chính của Công ty trong năm: Không

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Không
- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không
- c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không

6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Không
- b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

- a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
 - Số lượng lao động: 500 người.
 - Mức thu nhập bình quân đối với người lao động: 8.600.000đ
- b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động.

Về an toàn lao động: Công ty trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn cho người lao động.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Hàng năm, Công ty hỗ trợ lương đối với những người công ty cử đi học, đào tạo học việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học tại chức, khóa học và lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao khả năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng số 11: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	248.681	253.592
Các khoản giảm trừ		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	248.681	253.592
Giá vốn hàng bán	165.152	159.211
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	83.528	94.381
Doanh thu hoạt động tài chính	556	246
Chi phí tài chính	6.526	4.742
Chi phí bán hàng	22.143	24.388
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.264	23.815
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	31.151	41.681
Thu nhập khác	1.499	2.501
Chi phí khác	1.270	1.703
Lợi nhuận khác	229	797
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.380	42.479
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.493	5.354
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.886	37.124

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

Công ty đã mở rộng đầu tư, cải tiến và tối ưu hoá công nghệ, năng lực cung cấp các dịch vụ hiện có, đa dạng hoá sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh. Phát huy nguồn nội lực, chọn lọc và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để đạt hiệu quả sản xuất

kinh doanh cao nhất.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản:

Bảng số 12: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2021

Đơn vị tính: Tr.đồng

TÀI SẢN	Năm 2020	Năm 2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	109.461	103.040
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	93.459	56.694
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	4.904	19.768
IV. Hàng tồn kho	10.053	19.918
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.046	6.658
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	371.644	396.822
I. Tài sản cố định	349.175	301.789
1. TSCĐ hữu hình	348.629	301.430
2. TSCĐ vô hình	546	358
II. Tài sản dở dang dài hạn	2.461	81.738
V. Đầu tư tài chính dài hạn	1.000	0
VI. Tài sản dài hạn khác	19.008	13.295
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	481.105	499.863

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Bảng số 13: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2020 - 2021

Đơn vị tính: Tr.đồng

Chi tiêu	Năm 2020	Năm 2021
A. NỢ PHẢI TRẢ	106.307	112.039
I. Nợ ngắn hạn	45.800	60.011
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.850	8.468
2. Phải trả cho người bán	1.374	5.477

3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.495	157
4. Phải trả người lao động	12.142	19.880
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	3.117	4.053
6. Phải trả ngắn hạn khác	4.457	6.613
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15.619	10.674
II. Nợ dài hạn	60.507	52.027
1. Phải trả dài hạn khác	17.274	19.843
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	43.233	32.184

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021 của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Tổng Giám đốc có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo vị trí công việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: Công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên giám sát hoạt động tài chính cũng như công tác quản lý của Công ty.

Công tác về công bố thông tin theo áp dụng đối với Công ty đại chúng được Ban lãnh đạo Công ty thực hiện nghiêm chỉnh và đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Căn cứ điều kiện cụ thể về tình hình thị trường, kinh tế xã hội và tốc độ phát triển đô thị hoá của thành phố, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch cụ thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị nhất là mở rộng chiếm lĩnh thị trường, tranh thủ sự ủng hộ của lãnh đạo UBND tỉnh, thành phố cộng đồng dân cư thành phố và các tổ chức chính trị xã hội, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, huyện về công tác cung cấp nước sạch cho toàn thành phố và tỉnh. Tiếp tục phát huy ưu thế, tối đa nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng hiệu quả, tăng năng suất lao động, cải tiến công nghệ, thiết bị nhà xưởng nhằm mang lại hiệu quả cao, giảm chi phí đầu vào tạo lợi nhuận và chất lượng cao nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Biện pháp kỹ thuật:

- Đầu tư thêm trang thiết bị máy móc mới phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tăng cường công tác lãnh đạo, quản lý, kiểm tra giám sát trong hoạt động sản xuất

kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất. Ban hành các quy định, quy chế nội bộ như: quy chế quản lý tài chính, quy chế phối hợp làm việc, quy chế tuyển dụng, xây dựng cơ chế khoán nội bộ.

- Tiêu chuẩn hoá cán bộ, đặc biệt các vị trí chủ chốt từ Giám đốc Chi nhánh, Trưởng phòng nghiệp vụ trong Công ty.

- Từng bước sắp xếp bố trí lao động cho hợp lý nhằm phát huy khả năng người lao động một cách hiệu quả nhất, nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý bằng hình thức đào tạo tại chỗ, cử đi học.

- Từng bước nâng cao năng lực, không ngừng cải tiến kỹ thuật phương tiện máy móc, khai thác tối đa công suất phương tiện máy móc, dây truyền thiết bị.

- Liên doanh, liên kết với các cá nhân, tổ chức, đơn vị doanh nghiệp để phát triển sản xuất kinh doanh. Có cơ chế khuyến khích các tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị khai thác và tìm kiếm mở rộng thị trường, tạo thêm việc làm tăng thu nhập cho CBCNV.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để cung cấp các dịch vụ chính của Công ty trong năm: Không

- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Dây truyền sản xuất nước tuần hoàn khép kín, không có nước thải ra môi trường. Bùn sau sản xuất được cô đặc thu gom vận chuyển và xử lý.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Không

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không

- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không

6.3. Tiêu thụ nước sạch: (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Không

- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ tốt pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.5. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn đảm bảo tất các lao động đủ việc làm và có thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung của tỉnh Nam Định. Đồng thời thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động tổ chức đào tạo định kỳ và hàng năm về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động. Giải quyết kịp thời, đầy đủ các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, tết, phép, trợ cấp khó khăn, tổ chức tham quan nghỉ mát cho người lao động. Tặng quà cho người lao động có điều kiện khó khăn, tuyên dương người lao động có thành tích tốt trong công tác. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ toàn diện cho người lao động.

6.6. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Tích cực tham gia các phong trào hỗ trợ phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội, tham gia các phong trào tương thân tương ái, quan hệ mật thiết và phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội ở nơi làm việc.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong năm 2021, dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp nhưng Hội đồng quản trị đã lãnh đạo toàn diện để Công ty vượt qua mọi khó khăn, thách thức hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

2.1 .Những việc đã làm được:

- Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.
- Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của CBCNV để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2.Những hạn chế cần khắc phục:

Ban lãnh đạo Công ty cần tiếp tục nâng cao công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý. Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt được như trên, HĐQT đánh giá Ban điều hành dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2021 được HĐQT giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với những thuận lợi và khó khăn của ngành, trong năm 2022, Hội đồng quản trị sẽ

quyết tâm chỉ đạo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

- Tăng cường công tác giám sát chỉ đạo Ban điều hành trong việc triển khai trong lĩnh vực đầu tư XDCB nhằm đảm bảo đủ nguồn nước cấp và năng lực truyền tải đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

- Phối hợp với BKS nhằm kiểm soát chi phí nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận, đồng thời đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, các cổ đông, người lao động và cộng đồng.

- Tiếp tục chỉ đạo công tác rà soát, tái cơ cấu tổ chức đảm bảo tinh gọn, hiệu lực hiệu quả; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong điều hành, thực hiện nhiệm vụ SXKD gắn với trách nhiệm trong thực hiện công việc.

- Chỉ đạo theo dõi sát sao chất lượng nước thô đầu vào, xử lý kịp thời những nguy cơ làm ảnh hưởng đến chất lượng nước thương phẩm. Tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác quản lý và thực tiễn sản xuất, vận hành hệ thống cấp nước.

- Đặc biệt có biện pháp, phương án chống thất thu thất thoát trong toàn Công ty đạt hiệu quả.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Bảng số 14: Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Trần Đăng Quý	Chủ tịch HĐQT – Không điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 200.407 cổ phần, chiếm 0,57% vốn điều lệ. + Số cổ phần sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Nam Định: 10.121.965 cổ phần, chiếm 29,5% vốn điều lệ.
2	Nguyễn Sỹ Long	Phó chủ tịch HĐQT – Điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 201.209 cổ phần, chiếm 0,59% vốn điều lệ. + Số cổ phần sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Nam Định: 6.862.350 cổ phần, chiếm 20,0% vốn điều lệ.
3	Bùi Xuân Thiêm	Thành viên HĐQT – Điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.600 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ. + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
4	Nguyễn Thành Tri	Thành viên HĐQT – Điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 73.976 cổ phần, chiếm 0,22% vốn điều lệ.

			+ Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
5	Trần Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT – Điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 7.200 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ. + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
6	Trần Ngọc Bảo	Thành viên HĐQT – Điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
7	Đình Văn Hoà	Thành viên HĐQT – Không điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
8	Kiều Hải Anh	Thành viên HĐQT – Không điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,00%) + Số cổ phần sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần thiết bị xử lý nước SETFIL: 3.122.306 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 9,1%)

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận để đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty. HĐQT luôn cập nhật tình hình hoạt động của Công ty thông qua báo cáo của Ban Tổng Giám đốc. Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao. Thực hiện chức năng quản lý, giám sát, năm 2021 Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp và đã quyết định các nội dung quan trọng như:

- Giao cho Ban điều hành đầu tư xây dựng công trình nâng cao năng lực truyền tải, bổ sung tuyến ống cấp nước cho xã Tân Khánh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
- Với công tác đầu tư xây dựng: giao cho BDH xây dựng chiến lược phát triển, lập báo cáo khả thi các dự án liên quan đến mở rộng cấp nước thành phố Nam Định và các vùng lân cận.
- Thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2021 với mức 4,8%/VĐL (mỗi cổ phiếu nhận 480đ).

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Bảng số 15: Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Trần Thị Hồng Phần	Trưởng ban kiểm soát	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 55.876 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,16%)

			+ Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
2	Nguyễn Văn Ngôn	Thành viên Ban Kiểm soát	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.400 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
3	Trần Hồng Đức	Thành viên Ban Kiểm soát	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.300 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.
- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.
- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nội dung trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021, đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Tổng Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:

Bảng số 16: Thu nhập và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Năm 2021
1	Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc	3.019.170.921
	Tổng cộng	3.019.170.921

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

- 3.2. **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có
- 3.3. **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có
- 3.4. **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2021 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Toàn văn nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán 2021 được đăng trên website của Công ty tại địa chỉ www.capnuocnamdinh.vn

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Website Công ty;
- HDQT, BKS;
- Lưu VP.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Trần Đăng Quý